

Bản án số: 37/2020/HSST

Ngày: 26 - 10 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị T, sinh năm 1950 tại huyện Th, tỉnh A; nơi cư trú: Ấp MA, xã S, huyện H, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn D (đã chết) và bà Lưu Thị K (đã chết); bị cáo có chồng tên Võ Văn E (đã chết) và 06 người con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 án tích đã được xóa, vào ngày 30/6/1999 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 07 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản của công dân”; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/6/2020 đến ngày 16/9/2020; có mặt.

- Bị hại: Bà Hồ Lệ Q, sinh năm 1985 là chủ Doanh nghiệp tư nhân Hồ Lệ Q; địa chỉ cư trú: Số 51, tổ 22, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Hoàng V, sinh năm 1988: địa chỉ cư trú: Số 51, tổ 22, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Vũ Thị Phương Th là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7 giờ ngày 11/4/2020, bà Huỳnh Thị T một mình chạy xe đạp từ nhà tại ấp Mương Kinh A, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến xã Mỹ Thuận huyện Hòn Đất để tìm người quen nhưng không gặp. Khi chạy xe về nhà, trên đường về đến ngang tiệm vàng “VQ” tại chợ Cầu Số 5 thuộc ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất thì bà T nảy sinh ý định giả vờ vào mua vàng rồi tìm sơ hở để trộm cắp vàng bán lấy tiền tiêu xài. Bà T đã vào tiệm vàng VQ kêu anh Trương Hoàng V lấy một bộ vòng Simen vàng 18k đang trưng bày trong tủ đưa cho xem, bà T xem xong trả lại và nói không đủ tiền nên kêu anh V lấy bộ vòng Simen khác nhỏ hơn. Lúc này, chị Hồ Lệ Q là vợ anh V về tới, chị Q lấy 02 bộ vòng Simen gồm 14 chiếc vòng bằng vàng 18k để trên mặt tủ cho bà T xem và lấy ra một chiếc vòng đeo thử vào tay của bà T. Lợi dụng việc chị Q chăm chú lo đeo vòng cho mình không chú ý đến những chiếc vòng còn lại nên bà T dùng tay trái khều lấy trộm 2 chiếc vòng Simen cất giấu sát vào người và nói không đủ tiền mua định bỏ đi. Lúc này, chị Q kiểm tra lại thì phát hiện mất 02 chiếc vòng Simen nên kêu bà T nhìn xem vòng vàng có rơi xuống nền nhà không. Bà T trả lời không có, chị Q kêu anh V xem lại camera và ngăn cản không cho bà T bỏ đi, sợ bị phát hiện nên bà T giả vờ đi vào trong tiệm tìm kiếm và ném 2 chiếc vòng vừa lấy trộm được xuống nền nhà rồi bỏ đi ra ngoài đứng. Sau khi xem lại camera anh V phát hiện bà T đã lấy trộm 2 chiếc vòng vàng và hỏi bà đã để ở đâu, bà đã thừa nhận và chỉ nơi ném 02 chiếc vòng vàng cho anh V. Anh V trình báo sự việc với công an xã Sơn Kiên đến làm việc, bà T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Hòn Đất, kết luận 02 chiếc vòng vàng 18K có giá trị như sau:

- 01 chiếc vòng simen vàng 18k, đường kính 5,8cm; trọng lượng 3,23gam (8,6 phân) có giá $2.000.000\text{đ}/\text{chi} \times 0,86 \text{ chỉ} = 2.494.000\text{đ}$

- 01 chiếc vòng simen vàng 18k, đường kính 5,8cm; trọng lượng 3,31gam (8,8 phân) có giá $2.000.000\text{đ}/\text{chi} \times 0,88 \text{ chỉ} = 2.552.000\text{đ}$

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.046.000đ.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản đối với T để điều tra.

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS-HĐ ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị can T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS, xử phạt Huỳnh Thị T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Theo đơn bãi nại ngày 28/7/2020, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/9/2020 người bị hại là bà Hồ Lệ Q – Chủ Doanh nghiệp tư nhân VQ xác định đã được nhận lại tài sản bị mất, bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Bà Q đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T vì bị cáo đã ăn năn hối lỗi và có hoàn cảnh khó khăn.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hoàng V xác định đã nhận lại tài sản bị trộm cắp vào ngày 07/7/2020 và đã đưa tài sản cho vợ bà Q. Ông không yêu cầu bị cáo phải thường thiệt hại và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự, người bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như ăn năn hối cải, thành thật khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo là người cao tuổi, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại điểm s, h, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 173 của BLHS xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

Lời nói sau cùng của bị cáo T trình bày: Bị cáo đã hối hận vì hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, tuổi đã lớn nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Doanh nghiệp tư nhân VQ do bà Hồ Lệ Q làm người đại diện theo pháp luật nên bà Hồ Lệ Q là chủ Doanh nghiệp tư nhân VQ được xác định là người bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/HSST ngày 30/6/1999 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định bị cáo Huỳnh Thị T sinh năm 1959; tại danh bản, chỉ bản số AP 00297 do Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang lập ngày 26/02/1999 xác định bị cáo T sinh năm 1959, tại phiên tòa bị cáo cũng khẳng định bị cáo sinh năm 1959. Tại Kết luận giám định số 866/KL-KTHS ngày 07/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang xác định dấu vân tay in trên bộ Danh chỉ bản số 107 do Công an nhân dân huyện Hòn Đất lập ngày 18/6/2020 đối với Huỳnh Thị T sinh ngày 01/01/1950 (mẫu cần giám định) so với dấu vân tay in trên bộ Danh chỉ bản số AP 00297 do Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang lập ngày 26/02/1999 đối với Huỳnh Thị T sinh năm 1959 (mẫu so sánh) là của cùng một người.

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án như: Bản khai nhân khẩu ngày 01/3/1988 của bà T; bản khai nhân khẩu ngày 01/3/1988 của ông Võ Văn Em; Giấy khai sinh của các con bà T là các anh chị Võ Văn Bổng, Võ Văn Cây, Võ Thị Tý, Võ Văn Tùng, Võ Thị Liêm, Võ Văn Côi đăng ký ngày 11/11/1991; Giấy chứng minh nhân dân của bà T được cấp ngày 16/4/2013, Sổ hộ khẩu số 45160 cấp ngày 26/4/2016; Trích lục tiền án, tiền sự số 1171/2020/PV06 ngày 14/7/2020 của Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Kiên Giang xác định bị cáo T sinh năm 1950. Do đó, để có lợi cho bị cáo HĐXX xác định về nhân thân, bị cáo T sinh năm 1950.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Vào khoảng 10 giờ ngày 11/4/2020, tại tổ 12 ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K, bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 02 chiếc vòng Simen vàng 18K của Doanh nghiệp tư nhân VQ, tổng tài sản bị thiệt hại theo chứng thư thẩm định giá là 5.046.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và các tình tiết khác của vụ án.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

Tại thời điểm phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt là ba năm tù là tội phạm ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của BLHS năm 2015 nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, o, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Đối với tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng ngoài lần phạm tội này bị cáo đã có một án tích về tội trộm cắp tài sản nên được hưởng tình tiết

giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Xét về nhân thân, tuy bị cáo đã có 01 án tích vào ngày 30/6/1999 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 07 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản của công dân” nhưng đã được xóa án tích và tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm trong vụ án này được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên căn cứ theo quy định tại Điều 65 của BLHS 2015 năm 2015, Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát, Luật sư bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo là người cao tuổi, hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38; điểm h, o, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 26/10/2020).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp

bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Bị cáo là người cao tuổi, hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú